Chi tiết mã HS 5608.11.00

Mã HS	5608.11.00
Mô tả hàng hóa	Tấm lưới được thắt nút bằng sợi xe, chão bện (cordage) hoặc thừng; lưới đánh cá và các loại lưới khác đã hoàn thiện, từ vật liệu dệt / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Lưới đánh cá thành phẩm
Đơn vị	kg/m
Thời điểm tạo	10/11/2026 17:22:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/56081100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8689
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8689
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8689
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8305
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8259
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8259
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8259
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8259
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8259
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8259
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E8309
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8309

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8309
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8309
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8309
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8309
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8310
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8310
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8310
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8310
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8310
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8310
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8311
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8265
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F8272
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G8272
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H8272
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I8272
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J8272
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K8272
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8294
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8294
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8294
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8294
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8294
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8294
VCFTA	2022	2022	2	VC!D8341
VCFTA	2023	2023	1	VC!E8341

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8341
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8341
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8341
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8341
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8321
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8321
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8321
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8321
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8321
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8321
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D8334
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E8334
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F8334
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G8334
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H8334
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8334
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8338
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8338
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8338
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8338
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8338
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8338
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8338
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8338
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8338
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8338

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8338
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8338
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8289
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8289
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8289
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8289
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8289
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8289
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8289
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8326
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8326
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8326
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8326
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8326
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8326
RCEP B	2022	2022	0	B!D8326
RCEP B	2023	2023	0	B!E8326
RCEP B	2024	2024	0	B!F8326
RCEP B	2025	2025	0	B!G8326
RCEP B	2026	2026	0	B!H8326
RCEP B	2027	2027	0	B!I8326
RCEP C	2022	2022	0	C!D8326
RCEP C	2023	2023	0	C!E8326
RCEP C	2024	2024	0	C!F8326
RCEP C	2025	2025	0	C!G8326
RCEP C	2026	2026	0	C!H8326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I8326
RCEP D	2022	2022	0	D!D8326
RCEP D	2023	2023	0	D!E8326
RCEP D	2024	2024	0	D!F8326
RCEP D	2025	2025	0	D!G8326
RCEP D	2026	2026	0	D!H8326
RCEP D	2027	2027	0	D!I8326
RCEP E	2022	2022	0	E!D8329
RCEP E	2023	2023	0	E!E8329
RCEP E	2024	2024	0	E!F8329
RCEP E	2025	2025	0	E!G8329
RCEP E	2026	2026	0	E!H8329
RCEP E	2027	2027	0	E!I8329
RCEP F	2022	2022	0	F!D8326
RCEP F	2023	2023	0	F!E8326
RCEP F	2024	2024	0	F!F8326
RCEP F	2025	2025	0	F!G8326
RCEP F	2026	2026	0	F!H8326
RCEP F	2027	2027	0	F!I8326
VIFTA	2024	2024	0	VI!F7686
VIFTA	2025	2025	0	VI!G7686
VIFTA	2026	2026	0	VI!H7686
VIFTA	2027	2027	0	VI!I7686

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5608.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 5608.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8689), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.